

Bản án số: **209/2022/KDTM-ST**

Ngày: 26-12-2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Hoàng Thị Kim Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2022/TLST-KDTM ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 454/2022/QĐXXST-KDTM ngày 30/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại A

Trụ sở: Đường T, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, theo văn bản ủy quyền ngày 10/02/2022. (Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài chính Đ

Địa chỉ: Đường H, Phường Y, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 11/3/2021, Công ty TNHH Thương mại A (sau đây gọi tắt là công ty A hoặc nguyên đơn) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài chính Đ (sau đây gọi tắt là công ty Đ hoặc bị đơn) đã cùng nhau ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 05/2021/AD-VINA về việc mua bán gang tay cao su. Sau khi ký hợp đồng, công ty A đã tiến hành đặt cọc 30% giá trị hợp đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của công ty Đ đúng như thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết (kèm theo ủy nhiệm chi ngày 11/3/2021. Tuy nhiên, phía công ty Đ không thực hiện được nghĩa vụ giao hàng như cam kết nên đến ngày 13/5/2021 hai bên thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng. Theo đó, công ty Đ có nghĩa vụ trả số tiền cọc kèm phí kiểm hàng cho công ty A trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký biên bản thanh lý. Hết thời hạn trên, phía bị đơn chỉ làm công văn xin gia hạn thanh toán chứ không thanh toán cho nguyên đơn bất cứ khoản tiền nào.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền đặt cọc đã nhận là 1.775.616.000 đồng và tiền phí kiểm hàng T.U.V là 11.121.600 đồng. Tổng cộng là 1.786.737.600 đồng, không yêu cầu tính lãi. Thời hạn trả: ngày khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn, Công ty Đ mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến gửi Toà.

Tại phiên toà,

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là 1.786.737.600 đồng (không yêu cầu lãi) trong đó bao gồm: 1.775.616.000 đồng tiền đặt cọc đã nhận và 11.121.600 đồng tiền phí kiểm định T.U.V, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có lý do nên không rõ ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Công ty A cùng Công ty Đ có ký với nhau hợp đồng mua bán gang tay cao su và đều có mục đích lợi nhuận; do Công ty Đ không thực hiện được nghĩa vụ giao hàng nên Công ty A khởi kiện yêu cầu trả lại số tiền cọc theo biên bản thanh lý hợp đồng đã ký. Đây là quan hệ pháp luật kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hoá quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Công ty Đ có đăng ký trụ sở hoạt động tại quận X nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập bị đơn lên Tòa để tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có mã số doanh nghiệp 0313453953 (đăng ký lần đầu ngày 24/9/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16/12/2019) và Giấy uỷ quyền số 10.02/GUQ ngày 10/02/2022 thì bà Phạm Thị N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng. Việc uỷ quyền của đương sự là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số công nợ còn thiếu là 1.786.737.600 đồng, không yêu cầu lãi:

Căn cứ Hợp đồng mua bán hàng hóa số 05/2021/AD-VINA ngày 11/3/2021, Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 13/05/2021 và các công văn hoàn tiền thanh lý hợp đồng ngày 14/6/2021, 06/7/2021 và 15/7/2021 của công ty Đ có cơ sở để xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 1.775.616.000 đồng tiền đặt cọc đã nhận và 11.121.600 đồng tiền phí kiểm định T.U.V. Bị đơn đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có

ý kiến phản bác hay tranh chấp gì. Vì vậy, căn cứ theo thỏa thuận thanh toán tại hợp đồng và Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ là 1.786.737.600 đồng, trong đó bao gồm: 1.775.616.000 đồng tiền đặt cọc đã nhận và 11.121.600 đồng tiền phí kiểm định.

Về thời hạn thanh toán, tại điều 1 của Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 13/5/2021 nói trên quy định: "*Bên B có trách nhiệm và cam kết hoàn đủ số tiền bên A đã cọc cho bên B theo hợp đồng đã ký với số tiền 1.775.616.000 đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày thanh lý*", "*Bên B sẽ hoàn tiền phí kiểm hàng T.U.V là 11.121.600 vnd*". Tuy nhiên tới hạn bị đơn chỉ có công văn xin gia hạn thanh toán chứ không thanh toán cho nguyên đơn thêm bất cứ khoản tiền nào. Nay do thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu, bị đơn không trả nợ gây thiệt hại cho nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu trả ngay số công nợ còn thiếu là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc Công ty Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A số tiền 1.786.737.600 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền 1.786.737.600 đồng phải trả cho nguyên đơn. Án phí bị đơn phải chịu là 65.602.128 đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 24, Điều 50 và Điều 55 của Luật Thương mại năm 2005;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty TNHH Thương mại A:

Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài chính Đ thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại A số tiền 1.786.737.600 (*Một tỉ, bảy trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi bảy ngàn, sáu trăm*) đồng, để chấm dứt nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 05/2021/AD-VINA ngày 11/3/2021 và Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 13/05/2021 mà hai bên đã ký kết.

Thời hạn thanh toán: Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 65.602.128 (*Sáu mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ hai ngàn, một trăm hai mươi tám*) đồng do Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài chính Đ chịu.

Hoàn lại cho Công ty TNHH Thương mại A toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 32.801.064 (*Ba mươi hai triệu, tám trăm lẻ một ngàn, không trăm sáu mươi bốn*) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0031021 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

Vũ Văn Hiếu